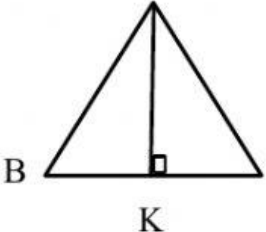


TRƯỜNG: TIỂU HỌC LÝ TỰ TRỌNG LỚP: HỌ TÊN:	ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I Môn: Toán lớp 5 NĂM HỌC: 2021 - 2022 Thời gian 40 phút		
	GIÁM THỊ 1	GIÁM THỊ 2	STT

ĐIỂM	NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN	GIÁM KHẢO 1	GIÁM KHẢO 2	STT
------	------------------------	-------------	-------------	-----

- Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.**
- Bài 1** Viết hỗn số $3\frac{9}{100}$ dưới dạng số thập phân là:
/0.5đ A. 3,900 B. 3,09 C. 3,9 D. 3,90
- Bài 2** Số thập phân có một trăm linh ba đơn vị, bảy phần nghìn là:
/0.5đ A. 103,37 B. 103,007 C. 103,307 D. 137,003
- Bài 3** Số thập phân nào lớn nhất trong các số: 7,485 ; 7,458 ; 7,548 ; 7,584
/0.5đ A. 7,485 B. 7,458 C. 7,548 D. 7,584
- Bài 4** Số 19,5 nhân với số nào để được tích là 1950 là:
/0.5đ A. 100 B. 10 C. 0,01 D. 0,1
- Bài 5** Kết quả của phép tính $538,6 : 0,1$ là:
/0.5đ A. 538,6 B. 538,6 C. 53,86 D. 5386
- Bài 6** Chữ số 8 trong số thập phân 95,824 có giá trị là:
/0.5đ A. hàng phần trăm B. Hàng phần nghìn C. Hàng phần mười D. Hàng đơn vị
- Bài 7** Cho 7 tấn 23 kg =tấn. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:
/0.5đ A. 7,023 B. 72,30 C. 7,23 D. 7230
- Bài 8** Cho $3\text{ m}^2\ 14\text{ cm}^2 = \dots\text{ m}^2$. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:
/0.5đ A. 3,14 B. 3,0014 C. 314 D. 30014
- Bài 9** Kết quả của phép tính: $93,8 - 32,57$ là:
/0.5đ A. 61,23 B. 61,27 C. 54,23 D. 75,18
- Bài 10** Tổng của 2 số 45,7 và 24,83 là:
/0.5đ A. 5,05 B. 59,05 C. 70,53 D. 59,15
- Bài 11** Kết quả của phép tính: $7,2 \times 3,7$ là:
/0.5đ A. 24,48 B. 26,64 C. 26,28 D. 24,24

Bài 12/0.5đ	Kết quả của phép tính: $16,65 : 3,7$ là: A. 3,4 B. 4,5 C. 2,8 D. 3,2
Bài 13/0.5đ	Tính diện tích một hình tam giác có độ dài đáy là 2,5cm và chiều cao là 4cm. A. 10cm^2 B. 10dm^2 C. 5dm^2 D. 5cm^2
Bài 14/0.5đ	 A. Đường cao AK ứng với đáy AB B. Đường cao KA ứng với đáy AC C. Đường cao AK ứng với đáy BC D. Đường cao AC ứng với đáy BC
Bài 15/0.5đ	Tìm x: $x + 3,4 = 4,5 \times 1,3$. Giá trị của x là: A. 2,45 B. 24,5 C. 9,25 D. 5,6
Bài 16/0.5đ	Giá trị của biểu thức : $40,8 : 24 + 6,35$ là: A. 8,35 B. 8,5 C. 8,05 D. 8,25
Bài 17/0.5đ	Lớp 5A có 15 bạn nam và 20 bạn nữ. Tỷ số phần trăm của số bạn nam và số bạn nữ của lớp 5A là: A. 15% B. 75% C. 20% D. 21%
Bài 18/0.5đ	Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 20m, chiều rộng $\frac{3}{4}$ bằng chiều dài. Diện tích mảnh đất là: A. 400 m^2 B. 250 m^2 C. 600 m^2 D. 300 m^2
Bài 19/0.5đ	Người ta dành 35% diện tích công viên để trồng hoa. Tính diện tích đất dùng để trồng hoa. A. 190 m^2 B. 195 m^2 C. 200 m^2 D. 250 m^2
Bài 20/0.5đ	Tất cả học sinh của một trường Tiểu học đi tham quan bằng ô tô. Nếu mỗi xe chở 45 người thì có 20 học sinh không được lên xe. Nếu đổi các xe đó thành xe 60 chỗ thì có thể chở thêm được 55 học sinh nữa. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh? A. 270 B. 185 C. 245 D. 208

